TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SÓC SƠN** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** ----------
Số: **77**/2020/QĐST-HNGĐ	*Sóc Sơn, ngày 03 tháng 3 năm 2020.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬNCỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 98/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2020, giữa:

**** Nguyên đơn:*** Chị **Đoàn Thị T**, sinh năm 1987;

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 8, thị trấn S, huyện S, thành phố Hà Nội.

Nơi ở hiện nay: Khu đô thị M, xã P, huyện S, thành phố Hà Nội.

**** Bị đơn:*** Anh **Phạm A**, sinh năm 1986;

Đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở hiện nay: Tổ 8, thị trấn S, huyện S, thành phố Hà Nội.

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 02 năm 2020,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 02 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội;

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị **Đoàn Thị T** và anh **Phạm A.**

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị Đoàn Thị T và anh Phạm A sinh được một con chung là Phạm Đoàn Anh T1, sinh ngày 20/12/2011.

Ly hôn, chị Đoàn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phạm Đoàn Anh T1, anh Phạm A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Đoàn Thị T 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng)/tháng, kể từ tháng 3 năm 2020 đến khi con chung của anh, chị thành niên hoặc có quyết định khác của Tòa án.

Anh Phạm A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2.2. Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Chị Đoàn Thị T và anh Phạm A tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí sơ thẩm: Án phí ly hôn sơ thẩm: 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con chung 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng), chị Đoàn Thị T tự nguyện chịu cả nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, chị đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0018495 ngày 20/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sóc Sơn. Chị Đoàn Thị T đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Sóc Sơn;
- UBND thị trấn S, S, Hà Nội
(Số ĐK 38, Quyển 01/2010);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đỗ Duy Khoa